

TRÚC-KHÉ
LỊCH - SỬ
NAM TIẾN
của dân-tộc Việt Nam



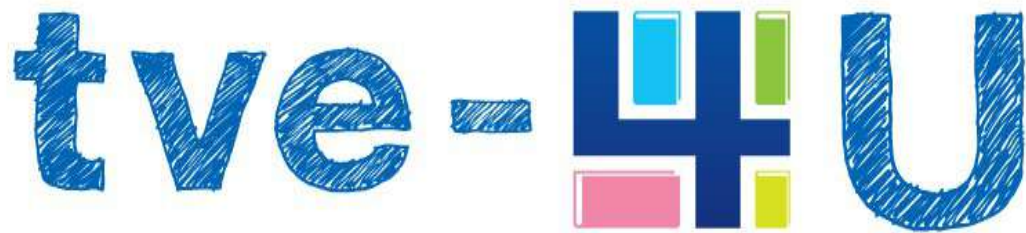
NHÀ XUẤT BẢN

NGÀY MAI

112, HÀN BÔNG, HÀ NỘI.



zeta



CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

Tên sách : LỊCH-SỬ NAM TIẾN CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

Tác giả : TRÚC-KHÊ

Nhà xuất bản : NGÀY MAI

Nguồn sách : tusachtiengviet.com

Đánh máy : Linh2017

Kiểm tra chính tả : Ngô Thanh Tùng,

Võ Bằng Châu, Dương Văn Nghĩa

Biên tập ebook : Thư Võ

Ngày hoàn thành : 27/09/2018

**Ebook này được thực hiện theo dự án phi lợi nhuận « SỐ HÓA 1000
QUYỂN SÁCH VIỆT MỘT THỜI VANG BÓNG » của diễn đàn TVE-
4U.ORG**

**Cảm ơn tác giả TRÚC-KHÊ và nhà xuất bản NGÀY MAI đã chia sẻ với
bạn đọc những kiến thức quý giá.**

TRÚC-KHÊ

**LỊCH-SỬ NAM TIẾN
CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM
(VIỆT-NAM DÂN-TỘC NAM-TIẾN SỬ)**

**NHÀ XUẤT BẢN NGÀY MAI
112, HÀNG BÔNG
HANOI**

ĐỀ-TỪ

*Gấm vóc non sông một giải liền,
Máu đào xương trắng điểm tô lên.
Cơ trời dù đổi trò tang hải,
Mặt đất chưa tàn nghiệp tổ tiên.
Có nước có dân đừng rẻ rúng,
Muốn còn muốn sống phải đua chen.
Giật mình nhớ truyện nghìn năm cũ,
Chiêm Lạp ngày xưa vốn chẳng hèn.*

NHƯỢNG-TỔNG KÍNH ĐỀ

*Bắc từ Lạng-sơn, nam Hà-tiên,
Non sông một giải đất đai liền.
Con Hồng cháu Lạc cùng cư tụ,
Con cháu còn chẳng nhớ tổ-tiên ?
Tổ-tiên gây dựng biết bao công,
Đánh Lạp bình Chiêm trải mấy đông.
Nghiep cả nổi noi nên kính úy,
Sao cho không hổ giống Tiên Rồng.*

TÁC-GIẢ TỰ-ĐỀ

LỊCH-SỬ NAM-TIẾN CỦA DÂN-TỘC VIỆT NAM

(VIỆT-NAM DÂN-TỘC NAM-TIẾN-SỬ)
Trúc-Khê NGÔ-VĂN-TRIỆN biên-soạn

Viên-tản cao xanh, Mê-công rộng lớn, non sông một dải, đất nước ba phần, vui vẻ thay anh em chị em hai mươi năm triệu đồng bào ta ngày nay được cùng nhau sinh tụ ở trên một cõi nước non hoa gấm, kẻ đi săn săn rừng, kẻ đi cày sắn ruộng, kẻ làm thợ sắn đồ nguyên liệu, kẻ đi buôn sắn đường bể sông, thực là một cõi rất thích nghi cho sự sinh hoạt của dân tộc ta, tựa như ông giời kia có ý vì dân tộc ta mà riêng dành cho vậy. Tuy nhiên nói vậy mà thôi, muôn việc ở đời, ta chớ nên lầm tưởng có ông giời kia đã vì người mà đặt đẽ, dời sông chuyển núi, hết thấy đều do ở nhân-lực mà nên. Chúng ta ngày nay được cùng nhau sinh tụ ở trên cái miếng đất Việt-Nam tốt tươi xinh đẹp của chúng ta đây, ta chớ nên lầm tưởng là do ở sự ngẫu-nhiên, chính là đã nhờ ở các bậc *tiên-dân* của dân tộc ta trải qua mấy trăm nghìn năm, đã từng tưới dội biết bao nhiêu giọt máu đào mới tô bồi nên một cõi đất xinh đẹp tốt-tươi cho chúng ta ngày nay đó. Than ôi ! tôi nghe có từng biết gây dựng gian nan, thì mới biết giữ gìn báu trọng, một gã thiếu-niên sinh ra ở cửa nhà hào phú, sẵn ông cha để cho tiền nghìn bạc vạn, tưởng chừng như tiền bạc là một vật nhật đầu cũng được, tha hồ mà hoang toàng phung phí, dùng bậy tiêu càn, không còn biết đoái tiếc gì cả ; nhưng ví có người bảo cho nó biết cái nông nổi để biết bao nhiêu mồ hôi máu mặt của ông cha nó trong khi tu tạo nên cái cơ đồ ấy, nếu nó là kẻ lương tâm chưa mất hẳn, thì tất sẽ giật thót mình lại mà lo tự tu tự tỉnh tự phấn tự lệ để bảo toàn lấy công nghiệp huyết hãn của ông cha. Ấy tôi viết cuốn « Lịch sử nam tiến của dân tộc ta » đây chính là ý ấy.

Lịch sử nam tiến của dân tộc ta ra thế nào ?

Xét xem lịch sử mở mang bờ cõi của nước ta từ xưa đến nay, có thể gộp vào mà gọi là một cuộc nam tiến ; vì trước sau ta chỉ nhằm tiến về một

mặt nam mà thôi. Bởi sao mà như thế ? Bởi vì địa thế của ta nó khiến như thế. Nước ta ngày xưa phía bắc giáp nước Tàu, phía nam giáp Chiêm, Lạp, phía đông giáp bể lớn, phía tây giáp Ai-lao. Ở giữa cái khoảng núi Tản sông Hồng kia nếu muốn khuếch trương bờ cõi cho rộng lớn thêm có đủ thế lực mà lập nên một nước đứng đắn ở Á-đông, trừ tiến về mặt nam không còn mặt nào hơn nữa. Bởi vì mặt bắc giáp nước Tàu là một nước rất lớn, lo chống chọi với họ để họ khỏi nuốt sống mình còn lo chưa nổi, mong gì khai thác về mặt ấy được ; mặt đông thì đã giáp bể ; mặt tây giáp với Ai-lao tuy là một nước nhỏ yếu, nhưng vì có nhiều núi cao rừng rậm ngăn cách, thành ra dầu muốn mở mang về mặt ấy cũng chưa thể được ; trừ ra chỉ còn mặt nam giáp với nước Chiêm-thành, nước Chiêm-thành lại giáp với nước Chân-lạp, vì có đường thủy, đường lục được tiện, vả hai dân ấy đều là dân nhỏ yếu có thể lấn át họ được, vì vậy mà sức bành trướng của dân tộc ta trước sau đều chỉ tràn về mặt nam. Tuy thế mặc lòng, sự khai thác bờ cõi, há có phải là một việc dễ đâu ; huống chi dân Chiêm Lạp cũng không phải hoàn toàn là giống hư hèn, cũng là những cái dân đã từng có một nền văn-minh rất sớm, thế mà lấy như một dân tộc nhỏ ở trong mảnh đất Giao-chỉ nọ, ngày lần tháng nữa, đã nghiêm nhiên phá diệt được cả Chiêm-thành lẫn Chân-lạp mà dựng nên một nước lớn Việt-Nam, đủ biết cái công phu huyết hãn của các đứng tiên dân ta xưa, thực đã lớn lao vô cùng vậy.

Cứ như các nhà nhân-chủng-học thì bảo dân tộc ta thuộc giống Mông-cổ, song cội gốc từ đâu mà đến thì mỗi sách nói một khác không sao đủ bằng cứ được. Sách thì bảo dân ta là rông ròi Tây-tạng, sách thì bảo là rông ròi Giao-chỉ, sách thì bảo là rông ròi Việt thường, sách thì bảo là rông ròi nước Việt bên Tàu, tổng chi đều là những nhời ước đoán cả, chứ không lấy gì làm đích xác. Vậy chúng ta chỉ nên biết rằng chúng ta là riêng một dân tộc ở trong thế giới, tức ngày nay gọi là dân tộc Việt-nam.

Xét về cương vực nước ta đời Hùng dựng nước, đồ bản lúc ấy khác hẳn bây giờ ; cứ như sử cũ thì nói bấy giờ phía đông giáp bể Nam, phía tây giáp Ba-thục (tỉnh Tứ-xuyên nước Tàu bây giờ) phía bắc hồ Động đình (thuộc tỉnh Hồ-nam) phía nam đến nước Hồ-tôn (sau là Chiêm-thành), quốc hiệu là

nước Văn-lang. Cuối đời Hùng-vương (258 trước tây lịch), Thục-Phán diệt nước Văn-lang dựng nước Âu-lạc, tức là Thục An-dương-vương. Năm Đinh Hợi (214 trước T.L) nước Âu-lạc bị nước Tần đem quân sang lấn, lấy đất Lục lương mà đặt ra 3 quận : Nam-hải (Quảng-đông) Quế-lâm (Quảng-tây) Tượng-quận (Quảng-tây) ¹. Cuối đời Tần (207 trước T.L) quan Úy quận Nam-hải nhà Tần là Triệu-Đà đem quân diệt nước Âu-lạc mà dựng nên nước Nam-Việt, xưng là Triệu Vũ-vương, đất cát gồm có 3 quận trên và cả đất của Thục An dương vương. Năm Canh ngọ (111 trước T.L) đời Thuật dương vương nhà Triệu, nước Nam-Việt bị nước Hán diệt mất, thế là từ đó phải nội thuộc về Tàu. Đời Hán Quang-Vũ năm Kiến-vũ thứ 16 (Tây lịch 40) vua Trưng giấy quân đuổi quan Thái-thú nhà Hán là Tô-Định, lấy lại được 65 thành đất Lĩnh-nam. Cứ theo như sách Thoái thực ký văn của cụ Trương Quốc Dụng chép thì nói nước ta sau khi nội thuộc về nhà Tây-Hán, nhà Hán chia đất đặt ra 9 quận là Nam-hải, Uất-lâm, Thương ngô, Hợp-phố, Nhật-nam, Cửu-chân, Giao-chỉ, Đam-nhĩ, Châu-nhai mà gọi chung là bộ Giao-chỉ, sau lại bãi 2 quận Châu-nhai Đam-nhĩ mà hợp vào làm 7 quận, quận Giao-chỉ lĩnh 12 thành, (tức là huyện), quận Cửu-chân lĩnh 5 thành, quận Nhật-Nam lĩnh 5 thành, quận Nam-hải lĩnh 7 thành, quận Thương-ngô lĩnh 11 thành, quận Uất-lâm lĩnh 11 thành, quận Hợp-phố lĩnh 5 thành, cả thấy là 56 thành ; vậy thì Đại-Việt sử ký chép là vua Trưng đánh đuổi Tô-Định lấy được 65 thành, có lẽ là số 56 mà nhầm là 65 chăng ? Như thế thì đời vua Trưng cũng có thu phục được cả Quảng-đông Quảng-tây vậy.

Sau khi vua Trưng mất nước, nước ta lại nội thuộc về nhà Đông-Hán. Năm Kiến-an thứ 15 (210) đời Hán Hiến-đế, nhà Hán đổi bộ Giao-chỉ mà đặt làm Giao-châu. Năm Hoàng-vũ thứ 5 (266) nhà Ngô, Ngô-Tôn-Quyền cắt 3 quận Nam hải, Thương-ngô, Uất-lâm lập làm Quảng-châu, còn 4 quận kia vẫn để làm Giao-châu, nhưng không bao lâu lại hợp lại như cũ. Đến năm Vĩnh-an thứ 7 (264) Ngô-Tôn-Hưu lại lấy 3 quận trước mà đặt làm Quảng châu, châu Giao châu Quảng chia hẳn ra bắt đầu từ đấy, mà chính là khởi điểm cho sự mất đi quá nửa phần đất của nước ta vậy. Từ đấy về sau trải qua mấy phen cách mệnh, nhưng người mình cũng chỉ khôi phục được đất châu

Giao mà thôi ; đến đời Ngô, Đinh độc lập mà đất châu Quảng đã không còn mong gì khôi phục lại được nữa.

Mở xem bản đồ thì nước ta mất đất châu Quảng tức là mất đi quá nửa phần nước, cương vực chỉ còn quanh một xứ Bắc-Kỳ và 3 tỉnh Thanh, Nghệ Tĩnh phía Bắc Trung-kỳ mà thôi. Đất thì nhỏ hẹp mà số dân sinh sản một ngày một nhiều, sự thế không thể không tìm đường bành trướng. Như trên đã nói, ba mặt đông tây bắc không phải là con đường có thể tiến được, tự nhiên là phải tiến xuống mặt nam, hướng chi những dân Chiêm-Thành, Chân-Lạp ở mặt nam lại thường hay vào quấy nhiễu nước ta, ta chẳng diệt họ thì họ cũng chẳng để cho ta được yên, nhân thế mà nam tiến là một con đường phải đi của ta, mà sự mở mang bờ cõi của nước ta gồm cả ở trong một cuộc nam tiến vậy.

Nay xin lần lượt chép về cuộc nam tiến ấy. Đời vua Lê Đại-Hành niên hiệu Ứng thiên năm thứ 8 (1000) bấy giờ vì nước Chiêm-Thành bắt giam sứ giả nước ta là bọn Từ-Mục, Ngô-Tử, vua giận, tự làm tướng đem quân vào đánh chém được tướng Chiêm là Ti-mi-thuế, Chiêm-vương phải bỏ chạy, quân ta lấy được vàng bạc của cải rất nhiều. Vua Đại-Hành lại sai Ngô-Tử-Yên đem 3 vạn quân mở một con đường đi bộ từ cửa bể Nam-giới cho đến châu Đại-lái (đất Chiêm, nay là phủ Quảng ninh thuộc tỉnh Quảng-bình). Lại đào một con sông từ núi Đồng-cổ cho đến con sông Bà-hoà tức là con sông ở xã Đồng-hoà, huyện Ngọc-sơn bây giờ. Ấy tức là khởi đầu cho bước đường nam tiến của dân tộc ta, vì có hai đường thủy lục ấy thì quân ta vào đánh Chiêm-Thành mới được tiện đường vận tải vậy.

Nói đến nước Chiêm-Thành tưởng cũng nên thuật về lịch-sử của nước ấy. Nước Chiêm-Thành khi xưa là nước Hồ-Tôn, thuộc về bộ Việt-Thường. Đến nhà Tần đặt làm huyện Lâm-Ấp. Nhà Hán lại đổi làm huyện Tượng-Lâm thuộc về quận Nhật-Nam. Đến thời vua Thuận-Đế nhà Hán năm Vĩnh-Hoà thứ 2 (137) người trong quận ấy tên là Khu-Liên đương làm chức Công-Tào, bèn giết quan huyện lệnh mà giữ lấy đất tự xưng là Lâm-ấp-vương. Truyền được vài đời rồi cháu ngoại là Phạm-Dật kế lập, Dật mất, người tướng là Phạm Văn cướp ngôi ² rồi đánh lấn lấy đất nước láng giềng.

Từ đó nước mới rộng lớn, Đông Tây rộng 700 dặm. Nam Bắc dài 3000 dặm, phía nam gọi là châu Thi Bì, phía tây gọi là châu Thượng Nguyên, phía Bắc gọi là châu Ô ly, thống trị cả thấy 38 châu.

Đời vua Mục Đế nhà Tấn (347) Phạm văn đem quân đánh Nhật Nam rồi chiếm lấy đất, nói với quan Thứ Sử Giao Châu là Chu Phồn xin từ núi Hoàn Sơn ở phía Bắc Nhật Nam làm địa giới của mình. Phồn không nghe, đến khi Văn mất, con là Phật lên nối ngôi vẫn đóng ở Nhật Nam. Sau bị quan thái thú Cửu-châu là Quán Toại đánh đuổi đi, bèn lại trở về Lâm Ấp.

Năm Nghĩa Hy thứ 9 (413) đời nhà Tấn vua Lâm Ấp là Phạm Hồ Đạt vào cướp quận Cửu-châu bị quan thứ sử Giao-châu là Tuệ Đô đánh chém được. Đến đời Nguyên Giả nhà Tống, vua Lâm Ấp là Phạm-dương-Mại sai sứ sang cống nhà Tống và xin được lĩnh Giao Châu, nhà Tống không cho, bèn lại cướp bóc như cũ. Nhà Tống sai Dân Hoà Chi và Tôn Xác đi đánh phá được quân Lâm-Ấp. Dương Mại chỉ thoát được một mình chạy trốn. Đến sau Phạm Chi nối ngôi, lại vào cướp Nhật Nam. Thời vua Dạng Đế nhà Tùy, niên hiệu Đại Nghiệp năm Dần (605) sai tổng quản Hoan Châu là Lưu-Phương đến đánh, đem quân sang dò Đò lễ đi qua về phía nam cột đồng trụ 8 ngày mới vào đến quốc Đô, Phương vào thành bắt được 18 bộ thần chủ bằng vàng bởi vì truyền quốc đến đó được 18 đời vậy. Thế là Lâm Ấp bị diệt, từ đó đất thuộc về nhà Tùy. Nhà Tùy chia đặt ra làm 3 châu là : Đãng-châu (Quảng-Bình, Quảng-Trị, Thừa-thiên), Nông-châu (Quảng-nam, Quảng-ngãi) Xung-châu (Bình-định, Phú-yên). Kế lại đổi Đãng-Châu làm quận Tị-Cảnh thống 4 huyện Tị Cảnh, Chu Ngô, Gia Lãnh, Tây Quyền ; Nông Châu làm quận Hải Âm thống 4 huyện Tân Dung, Châu Long, Đa Nông, An-Tạc ; Xung Châu làm quận Lâm Ấp thống 4 huyện Tương Phố, Kim Sơn, Giao Dang, Nam Cục. Cuối đời nhà Tùy Phạm Chí lại họp quân chiếm giữ đất cũ. Đầu đời Đường, nhà Đường lại dụ hàng được Chí, mới đổi Lâm Ấp làm Lâm Châu, Tị Cảnh làm Lãng Châu, Hải Âm là Sơn Châu. Năm Trinh Quán thứ 2 (628) cháu Phạm Chí là Phạm Đầu Lê, khôi phục được nước, sai sứ dâng hạt Hoả Chu chim yểng ngũ sắc và sừng thông thiên tê sang nhà Đường. Đầu Lê mất, con là Long nối ngôi, Long lại bị tên Ma-

Aman, Đa-già-Độc giết mất. Người trong nước bèn lập người con nhà cô Đầu Lê là Chư cát Địa lên làm vua đổi quốc hiệu là Hoàn Vương. Trong năm Nguyên Hoà đời Đường Hiến-Tôn, nước Hoàn Vương lại vào cướp châu Hoan, châu Ái (Thanh Nghệ Tĩnh) bị hai quan đô hộ A nam đánh thua, bèn bỏ Lâm Ấp mà dời nước vào Chiêm, xưng nước là Chiêm Thành (vì chỗ đó có ngọn núi Chiêm bất La) đến khi nước ta Độc Lập về thời nhà Đinh, Chiêm Thành định vào cướp kinh thành Hoa Lư (Ninh Bình), xong Hải quân khi vượt qua cửa bể Đại Ác thì bị bại mà chạy về. Đến đời nhà Lê, Chiêm lại bắt giam sứ giả nước ta, vì vậy quân ta lại vào đánh chém được tướng Chiêm và phá tan thành trở về. Đến đời nhà Lý vua Thái Tổ năm Thuận Thiên thứ 2 (1001) quân ta lại vào đánh Chiêm Thành ở trại Bồ Chính (Quảng Bình) đuổi giặc đến tận núi Long Ty (núi này ở tận phía tây huyện Bình Chính năm dặm).

Đời vua Thái Tôn nhân nước Chiêm thành đã cách 16 năm không chịu vào dâng đồ cống hiến, vua Thái-tôn bèn định ra oai cho họ biết sợ, mới đóng ra mấy trăm chiếc tàu chiến theo các hình rồng phượng cá rắn hùm beo anh võ, luyện tập quân thủy quân bộ cho được tinh nhuệ. Niên hiệu Thiên cảm thánh võ năm đầu (1044) quân ta bèn đại cử vào đánh Chiêm, do vua Thái-tôn thân đi làm tướng, theo đường thủy tiến vào cửa bể Ô-long (nay là cửa Tư-hiền, ở phía đông bắc huyện Phú-lộc 1 dặm thuộc về tỉnh Thừa-thiên) đánh nhau với Chiêm-thành một trận, quân họ phải thua, chém được vua họ là Xạ-Đấu và giết chết quân họ hơn 3 vạn người, bắt sống được 5 nghìn người, 30 con voi. Rồi tiến vào thành Phật-thệ (ở xã Nguyệt-biêu tỉnh Thừa-thiên bây giờ) bắt vợ con vua họ đem về³. Còn những người của nước ấy bắt được thì đem phân sáp vào trấn Vĩnh-khang, (tức phủ Tương dương Nghệ-an) trấn Đãng-châu tức phủ Quy hoá) mà lập ra làm phường ấp. Đời vua Thánh tôn niên hiệu Thiên-huống-bảo-tượng năm thứ 2 (1069), quân Chiêm vào cướp, vua giao cho nguyên-phi quyền coi việc nước, tự làm tướng đi thân chinh, bắt được vua Chiêm là Chế-Củ và 5 vạn người Chiêm đem về. Chế-Củ xin dâng đất 3 châu là châu Địa-lái (nay là đất phủ Quảng-ninh tỉnh Quảng-bình), châu Bồ-chinh (nay là đất phủ Quảng-Trạch tỉnh Quảng-bình), châu Ma-linh (nay là đất phủ Triệu-phong tỉnh Quảng-trị) để

chuộc tội mới được tha về. Đời vua Nhân-Tôn năm Thái-ninh thứ 4 (1075) vua sai ông Lý-thường-Kiệt vào kinh lý 3 châu ấy, vẽ thành địa đồ, đổi châu Địa-lái làm châu Lâm-bình, châu Bối-chinh, châu Ma-linh làm châu Minh linh, rồi chiêu dụ cho dân đường ngoài vào ở. Chế-Củ mất, Chế-ma-Na nổi ngôi, lại cướp lấy 3 châu ấy. Năm Long-phù thứ 4 (1104), quân ta lại vào đánh, do ông Lý-thường-Kiệt làm tướng, đánh phá được Chiêm thành, Chế-ma-na lại phải nộp giả đất 3 châu. Thế là đất Quảng-bình và một phần đất Quảng-trị từ đó thuộc hẳn về ta vậy.

Thời vua Lý-Thần-Tôn, Chiêm-thành cùng Chân-lạp ra cướp Nghệ-an, bị quan Thái thú là Dương anh-Nhĩ đánh thua phải chạy. Sau họ lại thường đem thủy sư ra cướp bóc các miền ven biển.

Sang đời nhà Trần, vua Thái-tôn đi thân chinh, bắt được vua Chiêm là Lâu-bổ-gia-la và những nhân dân đem về. Năm Hưng Long thứ 10 đời vua Trần-Anh-Tôn (1302), vua Chiêm-thành là Chế-Mân sai sứ ra cầu hôn và xin nộp hai châu Ô, Ly làm đồ cưới. Vua Anh-Tôn đem bà Huyền-Trân công chúa gả cho rồi đổi châu Ô làm Thuận châu (đất phía Nam tỉnh Quảng-trị) châu Ly làm Hoá-châu (Thừa-thiên và phía bắc Quảng-nam). Thế là bước đường nam tiến của dân tộc ta đã tiến đến nửa tỉnh Quảng-nam rồi vậy.

Sau đó Chiêm-thành thường hay đem quân ra cướp để báo thù. Cuối đời nhà Trần, Chiêm-thành 3 lần ra cướp phá kinh thành Thăng-long và mấy lần cướp phá Thanh Nghệ, nhân dân cũng chết hại rất nhiều, vua Trần-Duệ-tôn đi thân chinh (1376) dẫn quân đến cửa bể Thi nại (ở phía đông huyện Tuy-phúc tỉnh Bình-định bây giờ), vua Chiêm là Chế-bồng-nga trá hàng rồi phục quân mà đánh chặn ngang, vua Duệ-tôn phải tử trận, quân sĩ chết mất nhiều lắm. Đời vua Thuận-tôn, Thượng tướng quân Trần-Khát-Trân đón đánh ở sông Hải-trào, Chế-bồng-nga tin phải đạn mà chết ; bộ tướng là La-Khải dẫn quân về giữ lấy nước tự lập làm vua, bấy giờ cái nạn giặc Chiêm-thành mới tạm yên.

Đời nhà Hồ niên hiệu Thánh nguyên năm đầu (1400), Hồ-Quý-Ly sai Hành-khiển Đỗ-Hải làm Thủy quân đô tướng, tướng Tả thánh dực quân Trần-Vấn làm Đồng đô tướng, tướng Long-tiếp-quân Trần-Tùng làm Bộ

quân đô tướng, tướng Hữu thánh dực quân Đỗ nguyên Thác làm Đồng đô tướng, đem 15 vạn quân đi đánh Chiêm-thành. Bộ quân Đô tướng Trần-Tùng vì nghe nhờ Đinh-đại-Trung, dẫn quân đi tận mạn sơn cước, cách xa với thủy quân quá, xảy gặp khi mưa lũ nước lụt, tướng sĩ đành đóng lại ở giữa đường, tuyệt lương trong 3 ngày giờ, phải nướng áo giáp bằng da ra mà ăn. Khi hồi quân, Trần-Tùng xuýt phải tội chết, nhưng vì có công lao trước, được miễn tội chết mà phải đầy làm quân lính.

Năm Thiệu-thành thứ 2 (1402) mùa xuân tháng hai, vua Hồ-Hán-Thương sai sửa định quân ngũ. Tháng ba sai sửa một con đường từ thành Tây-đô (ở xã An-tôn huyện Vĩnh-lộc tỉnh Thanh-hoá bây giờ) đến Hoá-châu (Thừa-thiên), dọc đường đặt ra phố sá và nhà trạm gọi là đường thiên lý. Mùa hạ tháng sáu Hán-Thương cất đại quân vào đánh Chiêm-thành, lấy Đỗ-Mãn làm Đô tướng, Nguyễn-Vi làm Chiêu dụ sứ, Nguyễn-bằng-Cử làm Đồng Chiêu dụ sứ. Quân ta đến bờ cõi Chiêm-thành ; Đinh-đại-Trung cưỡi ngựa đi tiên phong, gặp tướng giặc là Chế-cha-nan, hai người giao chiến cùng chết cả. Vua Chiêm là Ba-đích-lại (con La-Khải) sợ hãi, sai Cậu là Bồ-điền đem dâng 2 con voi, một con đen một con trắng cùng mọi đồ phương vật, lại dâng đất Chiêm-động để xin ta lui quân. Bồ-điền đến, Hán-Thương bắt hiếp phải chữa lại tờ biểu, nói dâng cả đất Chiêm-động và đất Cổ-luỹ ; rồi chia đất Chiêm-động ra làm châu Thăng châu Hoa (đất phía Nam tỉnh Quảng-nam), chia đất Cổ-luỹ ra làm châu Tư châu Nghĩa (Quảng Nghĩa) đặt quan Thăng-hoa an-phủ-sứ để thống trị các châu ấy. Về mạn thượng du thì đặt ra làm trấn Tân-ninh. Chiêm-thành đem những nhân dân ở các đất ấy về nước, còn thì ta thu dùng làm quân. Hán-Thương bèn đổi quan An-phủ sứ lộ ⁴ Thuận-hoá là Nguyễn-cảnh-Chân vào làm Thăng-hoa An-phủ-sứ, rồi thiên dân mạn bắc vào ở mấy châu ấy, cho cả vợ con được đi theo ; lại cho dân nộp trâu chuộc tội để lấy trâu mà cấp cho những dân thiên cư ấy. Từ đó dân ta thiên vào ở mặt nam càng ngày càng nhiều.

Hiệu Khai đại năm đầu (1403), quân ta lại vào đánh Chiêm-thành, vua Hồ-Hán-Thương dự chia đất Chiêm ra làm các châu huyện, sai Phạm-nguyên-Khôi thống xuất hai mươi vạn quân thủy bộ tiến vào. Quân pháp rất

ngghiêm, người nào lâm trận mà nhút nhát sẽ bị tội chém, vợ con điền sản sẽ phải thu làm của quan. Đại quân vào đến Chiêm-thành, vây thành Đồ-bàn (Bình-định) nhưng vì quân đi đã chín tháng giời, lương hết lại phải kéo về.

Không được bao lâu thì nhà Hồ bại ; quân Minh vào chiếm nước ta, ta còn lo chống chọi với giặc Minh chưa xong, vua Chiêm-thành là Ba-Đích-lại nhân dịp đó chiếm lấy 4 châu Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa mà lại hay vào biên cương cướp phá. Sau khi nhà Lê phục quốc, niên hiệu Thái-hoá thứ 2 (1444), vua Chiêm là Bí-Cai lại vào cướp phá đất Hoá-châu ; vua Nhân-tôn mới sai ông Lê-Phụ, ông Lê-Khả vào đánh thành Đồ-Bàn, bắt Bí-Cai đem về. Người trong nước mới lập người cháu vua cũ Bõ-Đề là Ma-a-quy-lai lên làm vua. Em Quy-lai là Quy-Do lại giam anh mà tự lập. Sau Bàn-la-trà-duyệt giết Quy-Do mà cướp lấy rồi truyền ngôi cho con là Bàn-la-trà-toàn. Năm Hồng-Đức thứ 1 (1470) mùa thu tháng 8 vua Chiêm là Bàn-la-trà-toàn thân xuất thủy bộ tượng mã vào cướp Hoá-châu. Trấn tướng Hoá-châu là Phạm-văn-Hiến thế không địch nổi mới dồn dân vào cả trong thành rồi đưa thư cáo cấp về triều. Vua Thánh-Tôn liền xuống dụ trưng binh mộ tướng. Tháng 11, định ra 52 điều quân luật. Ngày mồng 6, vua xuống một tờ chiếu nói việc thân chinh Chiêm-thành, sai thái-sư Lân-quận-công Đinh-Liệt, Thái-bảo Kỳ-quận-công Lê-Kiến lĩnh quân ba phủ đông nam bắc đi trước, ban bố 24 điều về việc đi đánh Chiêm-thành ra các dinh và các vệ Cẩm-y, Kim-ngô, Thân-vũ Điện-tiền. Ngày mồng 7, vua vào làm lễ cáo ở nhà Thái-miếu. Ngày 16, vua thân xuất đại quân tiến đi, sai bọn tả đô đốc Lê-hy-Cát, Hữu đô-đốc Lê-cảnh-Huy ở lại kinh thành lưu thủ. Ngày hôm ấy ngự giá khởi hành, có mưa phùn và có gió bắc, vua có làm mấy câu thơ rằng : « Trăm muôn tướng sĩ ruổi lên đường, lấm tẩm mưa nhuần, gió bắc phương », tức là bài thơ kỷ thực đó. Sai Nguyễn-như-Đỗ đến tế ở miếu vua Đinh-Tiên-Hoàng, để cầu quân đi được thắng trận. Vua lấy bức địa đồ Chiêm-thành, đổi đặt lại những tên sông núi. Ngày mồng 3 tháng 12, đại giá đến Thiết-sơn. Ngày 18, thủy quân vào đến Chiêm-thành. Năm Hồng-Đức thứ 2 (1471), ngày mồng 2 tháng Giêng, vua nghĩ rằng đại tướng quân đem quân bước vào cõi giặc thì cần phải có quân sĩ tinh luyện, bèn truyền cho quân Thuận-hoá đều phải ra bể để thao diễn về đường thủy chiến. Vua lại lo

rằng núi sông nước Chiêm nhiều chỗ hóc hiểm chưa biết, bèn sai người thổ tù Thuận-hoá là Nguyễn-Vũ vẽ một bức tường đồ dâng trình. Ngày mồng 6 viên Chỉ huy là Cương-Viển bắt đem đến nộp một tên coi giữ ở cửa quan Câu đê Chiêm-thành là Bồng nga. Viên tù trưởng Sa bồi là Cầm tích, tù trưởng Thuận bình là Đạo-Vũ hôm ấy cũng vào châu dâng đồ phương vật. Sứ thần Ai-lao là bọn Lang-lệ cũng đem đồ phương vật lại dâng. Vua thân soạn bài sách Bình Chiêm ban ra các dinh, trong bài sách nói có 10 lẽ có thể thắng và có 3 việc đáng nên sợ. Vua sợ tướng sĩ chưa hiểu, sai quan Chỉ huy Nguyễn-thế-Mỹ dịch ra quốc ngữ cho mọi người đều biết. Lại sai quan Giám-sát ngự-sử Lê-bá-Di đem thóc kho Thuận hoá mà chuyển vận đến nơi hành tại. Ngày mồng 5 tháng 2 vua Chiêm là Trà-Toàn sai em là Thi-Nại và đại thần 6 người đem 8 nghìn binh tượng lên đến gần dinh vua để mưu đánh úp. Ngày mồng 7 vua sai Tả-du-kích tướng-quân Lê hy Cát, Hoàng nhân Thiêm, và tiên phong tướng quân Lê-Thế, Trịnh-văn-Sái đem hơn 5 trăm chiếc tàu 3 vạn tinh binh, đang đêm lên ra cửa bể *Cựu-áp* (nay là Tiểu áp thuộc huyện Hà-đông Quảng-nam), kịp vượt bể lên vào cửa Sa kỳ (cửa này nay ở phía đông nam huyện Bình-sơn tỉnh Quảng-nghĩa) lập lũy đắp thành để chặn đường về của giặc. Quân Chiêm vẫn không biết gì cả. Ngày mồng 7, vua thân xuất thủy quân hơn nghìn chiếc tàu, 70 (?) vạn tinh binh kéo ra hai cửa bể Tân áp Cựu áp (Tân áp nay là Đại áp cũng ở huyện Hà đông, Quảng-nam) cờ bay rợp bể, trống đánh vang giời, quân reo rầm rĩ mà tiến vào cửa bể Thái cần (Quảng-nghĩa) mật sai tướng bộ quân là Nguyễn-Đức-Trung đem bộ binh lên đến mạn sơn cước. Quân Chiêm trông thấy quân vua âm âm kéo đến đều sợ hãi, chạy cả về thành Đồ-bàn. Về đến núi Mạc-nô chợt thấy Hy-cát đã chặn mất đường về, hoảng hốt phải chạy vào đường núi, khí giới lương thảo bỏ lại đầy đồng, người ngựa ngã chết khắp núi. Bọn Lê-Niệm Ngô-Hồng phái binh đuổi đánh, chém chết được một viên đại tướng. Trà Toàn nghe tin em thua chạy, sợ hãi, vội sai người thân tín dâng biểu xin hàng. Vua không nghe. Ngày 27, vua thân xuất đại quân phá thành Thi nại, chém được hơn trăm thủ cấp. Ngày 28 vua tiến binh vây thành Đồ bàn. Ngày 29, đến sát chân thành vây chặt mấy vòng. Ngày mồng 1 tháng 3, vua truyền lệnh cho các đạo quân đồng thời đánh thành và làm thang bắc trèo lên

mặt thành. Một lúc, vua trông thấy quân tiền kỵ đã trèo được lên tường thành, bèn phát 3 tiếng súng hiệu, truyền quân chém phá cửa đông tiến vào, lại sai Đồng thái giám Nguyễn-Đam truyền cho các quân sau khi vào thành phàm các kho đạn tài vật không được cướp phá. Chiêm chúa Trà-toàn bắt được không được giết chết. Quân ta hạ được thành, bắt được hơn 3 vạn người, chém được hơn bốn vạn cấp. Vua sai quan chỉ huy Ngô-Nhạn dẫn hàng tướng của Chiêm là Bồ-sản-ba-ma đến, sai dàn bày những của báu đồ vật gì của Chiêm mà nước ta không có để vua coi. Lệnh-úy Đổ-Hoàn trở khắp từng thứ. Có một cái hộp bạc, hình như cái gương. Vua hỏi đó là vật gì ? Hoàn tâu vật ấy từ xưa đến nay phàm vua nước Chiêm tất đều phải có, rồi đòi nọ truyền cho đời kia. Quân Thuận-hoá bắt sống được Trà-Toàn dẫn đến trước mặt vua, Trà-Toàn phục lạy xuống đất. Vua hỏi rằng : « Nhà người có phải là vua Chiêm không ? » Trà-Toàn thưa phải. Vua hỏi : « Nhà người có mấy con ? » Trà-Toàn thưa có hơn 10 con. Đổ-Hoàn nói : « Hẳn đã biết phép thì xin bệ hạ tha chết cho hẳn ». Vua bảo Trà Toàn rằng : « Trong vòng gương súng, ta chỉ e nhà người ngộ hại, may không hề gì như thế, ta thật yên lòng ». Bèn sai đem Trà Toàn cho ra ở tạm một cái nhà nhỏ. Quân sĩ điệu đi mau quá. Vua bảo : « Thong thả chứ mà ! Hẳn là vua một nước, không nên làm quẫn bách hẳn quá như thế ».

Trà Toàn đã bị bắt, có người tướng của Trà Toàn là Bồ tri trì chạy đến Phan lung (thuộc Bình thuận) giữ được chừng một phần năm đất Chiêm cũ mà xưng là Chiêm thành vương, sai sứ xưng thần phụng cống. Vua bèn đi kinh lý đến núi Thạch bi (thuộc phủ Tuy hoà, tỉnh Phú yên) dựng bia định địa giới ở núi ấy (bia ấy nay hãy còn, nhưng mòn quá không trông rõ chữ). Còn từ núi Cầu môn (thuộc huyện Đồng xuân, tỉnh Phú yên) trở về phía nam thì ửng phong cho Bồ tri trì làm vua Chiêm thành, giữ đất để cung chức cống ; lại phong thêm hai vua Hoa anh Nam bàn và chia ra làm 3 nước để dằng buộc lẫn nhau.

Trận bình-Chiêm này, quân thanh của ta lừng lẫy xa gần, khi đại quân khai hoàn, những thổ tù ở các động mán đều đua nhau đem đồ trâu bảo tiến

cống. Trà Toàn bị giải về đến sông Thiên phái thì lo sợ mà chết, vua sai chém đầu bêu ở đầu thuyền.

Thế là bước đường nam tiến của dân tộc ta sau trận này thì đã tiến đến biên giới phía bắc tỉnh Phú yên rồi vậy.

Tháng 6 năm ấy (1471), vua Lê Thánh Tông lấy đất Chiêm-thành mà đặt làm Quảng-nam thừa-tuyên và vệ Thăng hoa, và đặt ra Quảng nam tam ty.

Năm Hồng đức thứ 3 (1472) em Trà Toàn là Trà Toại trốn vào trong núi, rồi sai sứ cáo nạn với nhà Minh và xin phong. Vua Thánh tông sai Lê Niệm đem binh đuổi theo bắt được Trà Toại, hơn 30 năm rồi chết ở đó.

Năm thứ 21 (1490) định bản đồ trong nước thì thừa tuyên Quảng nam lĩnh 3 phủ 9 huyện : 1. Phủ Thăng hoa thống 3 huyện Lê giang, Hy giang, Hà đông. 2. Phủ Tư nghĩa, thống 3 huyện Nghĩa giang, Bình dương, Mộ hoa (nay Quảng nghĩa) 3. Phủ Hoài nhân, thống 3 huyện Bồng sơn Phù ly, Tuy viễn, (nay Bình định). Thời vua Lê Hiến tông, con Trà Toại Trà Phúc lấy trộm hài cốt cha trốn về nước rồi sai người sang nhà Minh cầu cứu đóng thuyền bè chứa lương để đồ phản kháng. Đòi vua Uy mục bắt được mấy người Chiêm ở ngoài bể, tra biết mưu ấy, bèn sai Lý tử Vân vào kinh lý Quảng nam để phòng bị, việc ấy mới yên.

Đến đời họ Nguyễn làm chúa phía nam, Chiêm thành vẫn thần phục, sau lại thường hay quấy nhiễu ngoài ven. Năm Tân-hợi (1611), Gia dụ vương sai chủ sự là Văn Phong lĩnh binh đi đánh, chiếm lấy đất đặt làm phủ Phú-an, lĩnh 2 huyện Đồng xuân Tuy hoà (nay tức là tỉnh Phú-an), rồi sai Văn Phong lưu thủ đất ấy. Đến đời Sĩ vương, Văn Phong làm phản. Sĩ vương sai phó tướng là Nguyễn-phúc-Vĩnh giết tan được rồi lập đất ấy làm doanh Trấn biên.

Thời Hiền vương, vua Chiêm-thành là Bà tẩm xâm vào Phú-an, vương sai cai cơ là Hùng Lộc làm thống binh, sai là Minh Võ làm tham mưu, lĩnh 3000 quân đi đánh Hùng lộc tiến binh qua núi Thạch bi, kéo thẳng đến thành, thừa lúc ban đêm phóng hoả đánh phá. Bà tẩm phải chạy đi trốn. Quân ta chiếm đất đến sông Phan giang (1656), rồi lấy ở phía đông sông ấy

đặt ra hai phủ Thái Khang (nay Ninh Hoà), Diên Ninh (nay Diên Khánh, phủ Thái Khang thống 2 huyện Quảng Phúc, Tân Định, phủ Diên Ninh thống 3 huyện. Phúc Điền, Quảng Xương, Hoa Châu, lập ra doanh Thái Khang ở Nha Trang (nay là tỉnh thành Khánh Hoà) để thống trị. Còn phía tây sông ấy thì giả lại cho Chiêm Thành, bắt phải hàng năm vào cống hiến.

Thời Minh Vương năm 1691, vua Chiêm là Bà Tranh lại vào quấy nhiễu phủ Diên Ninh. Vương sai Nguyễn Hữu-Kính làm Thống binh đi đánh, bắt được Bà Tranh và bọn bề tôi là Kế Bà Tử và bọn thân thuộc là Nương-Mỹ Bà-An đem về giam ở núi Ngọc Chấn, đổi nước Chiêm Thành đặt là trấn Thuận Thành. Vương lại sai Nguyễn-Tri-Thắng giữ Phố-Hải, Nguyễn-Tán-Lễ giữ Phan-Lý, Chu-Kiên-Thắng giữ Phan-Lang để phòng những dư đảng Thuận Thành. Sau lại đổi làm phủ Bình Thuận cho đến Kế-Bà-Tử làm Khánh Lý và cho ba con của Bà-An làm Đề-Đốc, Đề-Lĩnh, Cai phủ, bắt phải vận mạt theo kiểu ta, rồi cho về để cai trị lấy dân.

Tháng chạp năm ấy, người Tàu tên là A-ban cùng với người Chiêm Thành là Ô-nha-trát nổi loạn, Minh-vương sai Nguyễn-Hữu-Kính cất quân vào giết tan được đám ấy. Kế-bà-tử kêu rằng : « Từ khi thay đổi chính-trị đến nay, mùa màng mất luôn, nhân dân thì sinh ra tật dịch ». Vương thương tình, bèn lại phong cho Kế-bà-tử làm Thuận-thành-trấn phiên-vương để phủ trị lấy binh dân mà hàng năm phải vào nộp cống.

Những người ngựa và kiếm ấn trước bắt được cũng giả cho cả. Lại cấp 30 tên lính kinh để bảo hộ giúp cho. Năm Chính Hoà thứ 18 (1697) mới lại lấy đất của Thuận-thành vương mà đặt làm phủ Bình-thuận, lấy đất Phan-lý Phan-lang đặt làm 2 huyện An-phúc Hoà-đà. Từ đó Chiêm Thành mất hẳn về bản đồ nước ta vậy. Đó là bước nam tiến của dân ta đã đến hết đất Trung-kỳ giáp đất Nam-kỳ.

Nghĩ như Chiêm-thành cũng là một nước khai hoá rất sớm đã từng sản xuất ra những bậc người tài hùng lược lớn làm cho nước ta đôi phen ăn không ngon ngủ không yên ; thế mà hay đâu lần lần về sau đến nỗi phải táng quốc diệt chủng ! Xét ra cơ đó chỉ vì dân họ không biết tự cường tự phấn, vì họ chịu ở dưới cái chính thể quân chủ chuyên chế, việc nước hay dở đều

mặc kệ ở lũ vua quan. Thế mà vua quan về sau chỉ thấy sản xuất những mặt đốn hèn, lúc bình thường không chịu tu tỉnh cho nội lực được đầy đủ rồi rào, đối với trong thì áp chế bậy, đối với ngoài thì hóc hách sẵn, quân ngoài vừa kéo đến nơi đã luỹ vỡ thành tan, cắt đất bồi khoản, ngày nay mất một khu, sang năm mất một hạt, trách nào mà dần dần chẳng nước mất giống cũng không còn. Ta chép đến đây luống những vì người Chiêm mà phàn nàn ái ngại. Trong cuộc sinh tồn cạnh tranh, khoẻ sống yếu chết, coi đó mà cũng đáng ghê thay ! cũng đáng sợ thay !

Xét tục Chiêm-thành, người nào cũng lấy chiêm quần vào bụng, bỏ giọt dài xuống tới chân. Vạt tay áo đều hẹp. Đầu búi tóc mé sau để xoã ra. Vua mặc áo Cát bối, đội mũ bông vàng, rủ tua thất bảo. Đùi vẽ đều để hở, chân đi giày nhưng không có tất miệt. Đàn bà cũng búi tóc mái sau, không cài trâm. Vua mỗi ngày về buổi chưa ngồi ghế thiên ý, quan-thuộc vào yết kiến chỉ vái một vái, tâu việc xong lại vái một vái rồi ra. Mỗi khi vua đi chơi tất đến vài ngày mới về. Đi gần thì ngồi cái ghế vải, đi xa thì cỡi voi hoặc ngồi vào một cái chóng cho 4 người rước. Sai một người bưng mâm con đi trước, đằng sau cho độ vài chục người đi theo, tay cầm cung tên gươm dáo. Dân trông thấy vua đều phải vái. Ngày tháng thì cứ ngày nào mặt giăng mới mọc là đầu tháng hết là cuối tháng, không có tháng nhuận. Ngày đêm chia mỗi phần là 50 khắc. Trống canh chia làm 8 canh. Cứ nửa đêm mới ngủ mà nửa ngày mới dậy. Hễ khi có giăng thì uống rượu hát múa làm vui. Không có giấy bút, dùng da dê nện mỏng hun đen rồi lấy đoạn tre nhỏ chấm vào vôi mà viết, hình chữ trông như con giun. Cứ đến mồng 1 tháng giêng thì dắt voi đi khắp chỗ ở rồi đuổi ra ngoài cõi gọi là tục tà. Tháng tư thì bày cuộc trâu cạp chọi nhau để làm vui. Ngày 15 tháng 11 là tiết đông chí, mọi người ai cũng phải châu mừng nhà vua. Mỗi năm đến 15 tháng chạp, ở ngoài thành buộc cây làm tháp, rồi vua và quan dân đem sống áo và hương đặt trên cây tháp mà đốt để tế giới đất, Thuyền buôn cứ mười phần thì lấy thuế hai phần, thuế hương cũng mười phần lấy hai. Tính rất ưa sạch sẽ, mỗi ngày tắm 3, 4 lần, dùng hương hoặc xạ để xoa vào mình, lại dùng trầm hương để hun quần áo. Vua cứ ở ngôi được 30 năm thì lánh vào ở trong thâm sơn, lấy anh em con cháu thay ngôi cho mình, mình thì trì trai thụ giới, khẩn với giới rằng :

« Tôi làm vua vô đạo xin cho hổ lang ăn thịt tôi đi, hoặc bắt ốm đau mà chết đi ». Ở một năm không việc gì thì lại về làm như cũ, trong nước gọi là « Tinh-lê-mã-cáp-lạt » nghĩa là bực chí tôn chí thánh. Có một cái đầm cá sấu, hễ khi nào có cái án nghi ngờ không quyết đoán xong thì cho hai bên nguyên bị đều cỡi trâu đi bên đầm ấy để hễ bên nào bị cá sấu nhảy lên đớp lấy ăn thịt thì cho tức là bên ấy trái. Hình pháp cũng có gôm cùm, lỗi nhỏ thì đánh roi, tội đáng chết thì trói vào cây mà giết. Nếu tội ăn cướp hay giết người thì cho voi quật chết. Tội gian dâm phải phạt con trâu. Dân vào núi hoặc ra bể mà bị hổ hoặc cá sấu cắn thì vua sai quốc sứ tụng câu thần chú và thư phù thì cọp cá sấu nào ăn thịt phải đến chịu tội ngay. Tính cứng cỏi hay đánh nhau. Nay những người Hời ở Bình-thuận những người Chàm ở Cao-mên đều là di chủng người Chiêm thành cả.

Trên đây đã nói đến khi nước ta kiêm tính được toàn cảnh Chiêm-thành ; nay lại nói việc chinh phục Chân-lạp. Xét nước Chân-lạp hoặc gọi là Cao-mên, hoặc gọi là Cao-man, nguyên là thuộc quốc của nước Phù nam khi xưa (Nước Bà ly ngày xưa cũng ở đất ấy. Sách Gia-định thông trí của cụ Trịnh-hoài-Đức nói nước Bà ly nay tức là đất Bà-rija). Về sau nước Phù-nam suy nhược, vua Chân-lạp là Sái-ly (họ) Chắt-đa-tư-na (tên) bèn kiêm tính được cả nước Phù-nam. Trong năm Đại nghiệp nhà Tùy, Chân-lạp đã sai sứ thông với Trung-quốc. Trong đời Thần long nhà Đường (705-706), nước mới chia ra làm hai : ở phía bắc nhiều núi gọi là Lục-chân lạp, đất rộng 700 dặm, vua nước ấy gọi là Thả khuất ; ở phía nam gần bể nhiều đầm hồ sông lạch gọi là Thủy chân lạp, đất rộng 800 dặm, vua nước ấy ở trong thành Bá-la-đề-bat. Thời nhà Đường hai nước đều sang cống, đều được nước Tàu phong vương. Đến thời nhà Tống, hai nước lại hợp làm một gọi là Chân-lạp. Từ khi nước ta lập quốc, đến mãi năm Thuận-thiên thứ 3 (1012) đời vua Lý-thái tổ, nước Chân-lạp mới vào cống, từ đó cứ ba năm lại một lần sai sứ đến. Về sau Chân-lạp cùng với Chiêm-thành thường đến xâm phạm đất Nghệ-an, nhưng nhiều lần bị quân ta đánh thua, từ đó không sang cống Tàu nữa. Đến đời nhà Minh, vua Chân-lạp là Hốt-nhi-na-đa mới lại dâng đồ cống sang Tàu. Đến thời Vĩnh lạp (Minh Thành tổ) lại thôi, vì nước Chiêm-thành xâm nhiễu nhiều đường cho nên không đi được.

Khi nước ta họ Nguyễn làm chúa ở phía nam, về đời Hiền vương năm Mậu tuất, (1658) vua Chân-lạp là Nặc ong Chân⁵ xâm phạm vào cõi. Quan phó tướng doanh Trấn biên (Phú-an) là Nguyễn-phúc-Yến phụng mệnh đi đánh, phá được quân Chân Lạp ở thành Hưng phúc (nay là huyện Phúc-chính tỉnh Biên-hoà) bắt Nặc ong Chân đem về nộp. Nguyễn vương tha cho Nặc ong Chân, sai quan Binh bộ đưa về nước cho làm phiên thần, cứ hàng năm phải vào triều cống. Năm Giáp dần (1674), Nặc ong Chân mất, Nặc ong Non lên kế vị. Có người bề tôi là Ô đài làm phản, viện quân Tiêm về đánh. Non phải chạy sang ta cầu cứu, vương sai quan thống binh là Nguyễn dương-Lâm đi cứu. Ô đài phải chạy. Nặc thu xin hàng. Vương nghĩ Nặc-thu là địch phải, bèn phong làm chính quốc-vương, ở thành Long áo, mà phong cho Non làm nhị quốc vương, ở thành Sài gòn, vẫn phải cống hiến như cũ.

Năm Kỷ mùi niên hiệu Vĩnh trị thứ 4 đời Lê-Hy-tôn (1679) có quan Tổng binh thành long môn nhà Minh tên là Dương-ngạn-Địch và quan Tổng-binh ở Lô liên là Trần-thượng-Xuyên cử binh phản nhà Thanh để mưu khôi phục lấy cơ nghiệp nhà Minh. Song thế không địch nổi, phải bỏ thành mà chạy, đem hơn 200 chiếc thuyền chạy ra bể lánh nạn, vượt sang hải phận nước Nam, sai người cầu cứu với Trịnh vương. Thuyền đậu hơn một tháng, không thấy cứu binh, xảy gặp cơn bão to chiến thuyền tan nát mỗi nơi vài cái mà chìm đắm mất nhiều. Đến khi dứt cơn bão thu thuyền lại tra điểm thì chỉ còn hơn 50 chiếc và hơn 300 quân mà thôi. Dương ngạn Địch thương tâm khóc lóc, cất mắt trông ra bể thì chỉ thấy mặt nước mông mênh, sóng bạc cuộn cuộn, không biết là về địa diện nào. Bấy giờ lương thực lại cạn, quân sỹ phải cắt giày ăn cho đỡ đói, ngạn Địch trông thấy tình cảnh sầu khổ làm vậy, bèn buông thuyền cho theo chiều gió mà đi, cũng liệu sống chết với ngọn sóng. Không còn tưởng nghĩ gì nữa. Xảy một hôm thuyền giạt vào bãi cát gần chân núi. Ngạn-Địch hỏi bọn thủ hạ xem đây là địa phận nào, trong thuyền có một người thủ hạ tên là Quách-tam-Kỳ nguyên năm trước đã từng đến đó buôn bán, mới nói rằng : « Đây là hải phận An-nam ».

Ngạn-Địch hỏi : « Tướng sỹ, thành quách, mạnh yếu thế nào ? Ta thử đem quân vào, mượn đất ở rồi cướp lấy thành trì, sau sẽ liệu kế khác, phỏng

có được không ? »

Quách-tam-Kỳ nói : « An-nam nước giàu dân nhiều, tướng hùng binh mạnh, thành quách thì hiểm cố, nghề thủy chiến bộ chiến đều có luyện tập, các nước láng giềng không dám quấy nhiễu. Năm trước có đảng giặc Ô lan, cậy tài về nghề thủy chiến, bọn ấy đem hơn 10 chiếc tàu, cướp bóc vùng men bể An-nam, bị quân An-nam đánh phá giết chết, máu đỏ loang đầy mặt bể. Từ đó Ô lan không dám bén đến gần cõi, huống chi là quân của ta ! »

Dương Ngạn-Địch bèn truyền lệnh cho các chiến thuyền dời ra xa bãi một ít mà đóng, ngày thì khua chiêng đêm thì treo đèn làm hiệu, định hễ có người ra tra hỏi thì nói xin đem binh đầu hàng để lấy chỗ lương thân cho được yên ổn. Tướng-sĩ vâng lệnh hạ neo, đóng thuyền từ cửa bể Noãn hải cho đến cửa bể Đà nẵng. Quân tần bể của chúa Nguyễn trông thấy, phi báo về triều. Hiền vương kíp sai thủy quân đem chiến thuyền ra trấn các cửa bể để phòng ngừa địch. Thủy quân được lệnh, đầu đầy phòng thủ cẩn mật. Quan thủ tướng ở cửa bể Tự dong (nay là Tư hiền) là Trí-Thắng bơi một chiếc thuyền nhỏ ra gần thuyền Long-môn, quát to hỏi rằng : « Chiến thuyền nước nào, dám đậu ở cửa bể nước ta, ý muốn làm gì, phải nói cho mau ».

Dương Ngạn-Địch trông thấy thuyền của ta đến thì sai dựng ngay một lá cờ trắng để tỏ ý xin hàng. Đến lúc Trí-Thắng hỏi thì Quách-tam-Kỳ nói rằng : « Chúng tôi đây là quân của Đãng khấu tướng quân Dương Ngạn Địch ở thành Long-môn, nhân vì kháng cự với nhà Thanh, phải bỏ thành vượt bể trốn nạn, chẳng may lại bị gió bão xiêu giạt đến đây, vậy xin đầu hàng quý quốc nương nhờ tính mệnh. Xin đại vương thương cho người bị nạn, tâu với quốc vương để tỏ giải tình thực của chúng tôi ».

Trí Thắng nói : « Các người nếu tình thực có nhân tâm đầu hàng thì mau mau đến vương đình mà bày tỏ tình thực để tùy vương lệnh xử phân ».

Dương-ngạn-Địch mừng lắm bèn viết hàng biểu sai phó tướng là Hoàng-Tiến và Quách-tam-Kỳ đem biểu văn và lễ vật theo Trí-Thắng vào triều. Bọn Hoàng-Tiến dâng biểu tỏ hết sự tình. Hiền vương xem biểu, thương cho kẻ bị nạn, bèn sai người đem tiền thóc gạo ra chẩn cấp cho

thuyền Long môn, rồi cho bọn ấy vào ở đất Giản phố (tức Sài-gòn ngày nay) nước Chân-lạp, để cho mở mang những đất bỏ hoang và trao cho quan tước. Bọn Ngạn-Địch vào tận cửa khuyết lạy tạ rồi chia nhau ra ở các đất Đồng-nai, Mỹ-thọ, Bàn lân (Biên hoà) phá rừng phá ruộng, lập nên cửa nhà phố xá, từ đó người Tàu người Tây dương người Nhật-bản mới chở thuyền đến đó buôn bán ngày một thịnh vượng vui vẻ.

Năm Mậu thìn niên hiệu Chính hoà thứ 9 đời Lê-huy-Tôn (1688), bấy giờ Nam triều Nghĩa vương làm chúa. Phó tướng Long-môn là Hoàng-Tiến ở Cao-mên giết chủ tướng là Dương-ngạn-Địch mà cướp lấy binh quyền tự xưng là Phấn-dũng hổ oai đại-tướng-quân, thống lĩnh dư đảng Long-môn, dời đồn đến Bến-tre lập dinh cắm trại, chế tạo xúc xích sắt và thuyền bè để chặn giữ cửa bể. Thả binh cho cướp bóc của dân Cao-mên. Lại bắt vua Cao-mên là Nặc-Non xẻ gỗ đóng tàu, hoặc lại bắt lấy người Cao-mên, khi năm sáu mươi người, khi bảy tám mươi người, mà bắt vua Cao-mên phải chuộc mỗi người là 30 lạng bạc : nếu không chuộc thì chém giết đi. Vua Cao-mên đem nộp cống Nam triều, cũng đón đường mà cướp lấy của. Bởi vậy dân Cao miên ai nấy đều ta oán mà vua Cao-mên cũng tức giận vô cùng. Nặc thu mật triệu tướng tá đến nghị rằng :

« Từ khi Hiền vương bên Nam triều trị vì, đả nước ta rất nhân hậu, ta cảm ân đức ấy nên mới phục lòng. Năm trước Hiền-vương cho bọn tướng tá Long-môn sang ngụ ở nước ta, khi đó bọn ấy còn biết giữ luật phép không dám quấy nhiễu dân ta. Nay Hiền vương đã mất, tân vương nối ngôi, Hoàng-Tiến giết chủ tướng mà cướp lấy quyền, sinh lòng phản, tàn hại dân ta. Vậy mà tân vương không thấy trừng trị gì, hoặc là dong tủng cho nó làm càn, hoặc là chưa biết sự ấy, hai lẽ đó ta cũng chưa biết thế nào. Song nước ta về hồi trước, các vị tiên vương ta khai cơ lập nghiệp đời đời bảo thủ địa giới chứ không phải thần phục nước nào. Nay đến đời con cháu là chúng ta suy yếu đốn hèn, để đến nỗi bị người ngoài họ kiềm chế được, ta nghĩ thực lấy làm sỉ nhục không biết chừng nào. Nay lại bị Hoàng-Tiến nó xử tàn ác thế này thì chịu làm sao cho được ? Vậy ta muốn nhờ sức các tướng trước hết trừ Hoàng-Tiến, rồi ta phản kháng Nam triều mà giữ lấy cơ nghiệp của tổ

tiên, rửa cho cái nhục làm tôi nước khác. Chẳng hay các tướng nghĩ thế nào ? »

Tướng Cao-mên là Ốc-Nha, Hà-Chức, Cống-Sa đều nói rằng : « Đại vương nói phải lắm ! Nam triều là một nước, ta cũng là một nước, hà tất ta phải cúi đầu mà chịu nhục ! Chúng tôi xin hết sức hèn mọn để giúp đại vương, trước hết trừ Hoàng-Tiến, thứ nhì giết Nặc-Non, rồi sau sẽ phản kháng Nam triều kéo cứ mắc vòng kiềm chế mãi ».

Nặc-Thu mừng lắm, bèn sai sửa sang thành Nam-vang, đắp ba lũy La bích Cầu nam Trà vinh, chế tạo chiến thuyền, đúc súng đại bác, tu luyện khí giới để phòng cự địch. Một mặt tuyệt sự cống hiến, bắt những người buôn bán nước Nam ở lại Cao-mên, không cho về nước, vì e tiết lộ tin tức.

Nhị vương Cao-mên là Nặc-Non ở Sài-gòn biết được mưu ấy, sợ hãi không biết chừng nào, vả lại vừa giận Hoàng-Tiến tàn ngược, bèn viết mật biểu kể hết sự tình Nặc-Thu Hoàng-Tiến, sai người tâm phúc đem sang trình bẩm Nam-Triều. Nghĩa vương xem biểu cả giận mà rằng : « Nặc-Thu là một đứa man hung tiểu bối, dám manh dạn tâm kháng cự với ta à ! Còn như Hoàng-Tiến thì là một đứa bại binh cùng khốn, siêu dạt ngoài bể, không có chỗ nào dong thân, khi xưa tiên vương ta thương tình lưu lạc mà cho ngụ đất này để được có nơi yên ở. Chúng nó không biết báo đáp ơn ấy, lại dám sinh lòng phản nghịch, tàn hại lương dân, tội ấy không thể nào dong được ».

Nghĩa-vương bèn triệu quân thân vào thương nghị để sai tướng cầm quân đi đánh giặc. Chưởng danh là Minh-liễu hầu đứng lên bẩm rằng : « Cao-mên nổi loạn chẳng qua như loài cáo chuột quấy rối mà thôi, hà tất phải động binh triều đình nhọc đến đại tướng ! Tôi nghe viên cai cơ ở Nha trang là Nguyễn-thắng-Long có đủ trí mưu dũng lược, năm y đã du lịch đất Cao-mên quen thuộc thổ thủy, nên sai y cầm quân đi đánh giặc chắc là được việc. Lại nên sai Hoàng Tiến làm tiên phong, lĩnh binh bản bộ đi trước để xem tình ý hãn ra sao. Nếu hãn thực lòng phụng mệnh đem quân đi giúp giặc thì cũng giúp được một tay cho ta, ta nên tội trước cho hãn ; bằng hãn còn do dự thì ta sẽ trừ đi. Mé trước có Nặc-thu ngăn cản, mé sau quân ta kéo đến, Hoàng-Tiến dù có mọc cánh cũng không bay đi đằng gười nào được. Ta

giết xong Hoàng-Tiến kéo quân sang thẳng Cao-mên, chẳng khác gì cơn gió to quét đám lá rụng, chỉ chớp mắt là thành công, đó là cái kế lưỡng toan đấy ».

Nghĩa vương mừng lắm truyền lệnh sai Nguyễn Thăng-Long làm thống binh. Văn vị làm tham mưu, Hoàng-tiến làm tiên-phong lĩnh binh đi đánh Cao-mên.

Xây có tên là thiên lộc nguyên là cháu ngoại quan phó tướng doanh trấn-biên là Mai-vạn-Long tính và tham lam, nghe đất cao mên lắm của sinh lòng đồ lợi, bèn vào triều bẩm rằng : « Cậu tôi là Mai vạn Long sai tiểu thần vào bái bẩm rằng : Cậu tôi mong ơn vương thượng, trấn thủ biên cương, chức làm đại-tướng, hưởng lộc nhớn của triều đình nên phải báo ơn triều đình mới phải. Nay nước Cao-mên phản bội, vương thượng sai Thăng-long làm thống binh, thế là cho tỳ tướng giữ trách nhiệm của đại tướng đó. Cậu tôi xấu hổ, còn mặt mũi nào trông thấy người nước Nam nữa. Vậy xin vương thượng cho cậu tôi được lĩnh chức ấy để giệp nơi biên cảnh, cho tỏ đôi chút công danh đôi chút với đời ».

Nghĩa vương phán rằng : « Ta không phải là không biết cậu người, song việc đi đánh Cao-mên là đám giặc nhỏ, can gì phải đem ngọc ra chơi với đá. Huống chi đường đất xa xôi, núi rừng hiểm trở, cho nên ta không nỡ sai y đó thôi ».

Thiên-Lộc bẩm rằng : « Vương thượng thương đến lão thần, ơn tây giời bể, dù tan xương nát thịt cũng chưa báo đền được ơn ấy. Song xem như mã-Viên Triệu-Vân ngày xưa. Ngoài 70 tuổi còn cưỡi ngựa cầm quân đi đánh giặc được, huống chi cậu tiểu thần chưa đến 60 tuổi mà sức vẫn mạnh mẽ, có lẽ nào lại dăm từ lao ? Vậy xin vương thượng cứ cho cậu tiểu thần lĩnh binh đi đánh giặc cho được thoả lòng ao ước ».

Nghĩa vương cười mà rằng : « Nhà người nói cũng có lẽ phải. Bèn lại đổi sai Mai-vạn-Long làm thống binh, cai cơ là thẳng sơn, và cai đội là Tân-lễ làm tả hữu vệ trợ. Hoàng Tiến thì vẫn làm tiên phong như cũ, còn Thăng long, Văn vị cũng đều cho đi tòng chinh cả ».

Mai-vạn-Long phụng mệnh, hội hợp các tướng chinh diêm binh mã khí giới, kén ngày 17 tháng chạp cất quân lên đường.

Hạ tuần tháng giêng năm Chính hoà thứ 10 (1689), Mai-vạn-Long đem binh đến địa giới Cao-mên, vào cửa bể Mỹ thọ rồi tiến thẳng đến xứ Lạch ngâm⁶ làm trại đóng quân ở đó. Mai-vạn Long sai người đem vương chỉ đến Bến tre, sai Hoàng Tiến làm Tiên phong, đem binh bản bộ đi đánh Nặc Thu ; một mặt sai người báo tin cho Nặc Non biết. Nặc-non mừng lắm, đến tại dinh Lạch ngâm chào mừng Vạn-Long, rồi thuật hết tình do của Hoàng Tiến và Nặc-thu và xin mau mau đem quân đến trừ hại cho. Mai-vạn-Long nói : « Tôi đã có định kế rồi, nhà vua bất tất phải lo gì cả ».

Nặc-non cáo từ trở về bản dinh dự bị tướng sĩ để chờ tiếp ứng.

Nói về Hoàng Tiến từ khi giết chết chủ tướng cướp lấy binh quyền làm nhiều sự tàn bạo thì vẫn chỉ lo triều đình đem binh đến hỏi tội. Nay đột nhiên thấy sai mình làm tiên phong, trong bụng nghi ngờ, bèn thủ hiểm mà không dám đến. Mai vạn-Long thấy Hoàng-Tiến không phụng chỉ rõ ra có tình bội nghịch, muốn tìm cách để trừ đi, bèn hội các tướng lại bàn kế. Bộ tướng là Văn-Thông hiến kế rằng : « Hoàng-Tiến có một người đồng hương (người Long-môn) tên là Trương-lão-gia, xưa nay hẵn vẫn nghe tiếng Trương mà vẫn chưa được giáp mặt. Thống binh nên dùng kế mai phục, rồi sai một người vận mặc giả dạng người Tàu, tự xưng tên là Trương-lão gia đến dụ Hoàng-Tiến thì hẵn chắc nghe lời mà phó hội, ta sẽ thừa cơ giết chết hẵn đi, ắt là xong việc ».

Vạn-Long mừng mà hỏi rằng : « Kế ấy hay lắm. Song trong bộ tướng có ai biết tiếng Tàu mà nhận được việc ấy không ? »

Văn-Thông là một người có tài biện bác, lại hiểu tiếng Tàu, bèn tình nguyện nhận việc đi dụ Hoàng-Tiến, Vạn Long mừng rỡ sai Văn-Thông y theo kế ấy mà làm.

Văn-Thông vận mặc giả làm người Tàu, một mình đi đến cửa dinh Hoàng-Tiến, tự xưng là người ở Long-môn, tên là Trương lão gia. Hoàng

Tiến thấy người ở quê hương đến chơi, mừng rỡ vô cùng, sai người ra đón vào trong dinh tiếp đãi tử tế.

Văn-Thông chào mừng Hoàng-Tiến một cách đăm thắm, trước còn nói mấy câu hàn huyên, rồi dần dần nói đến việc quân tình. Hoàng-Tiến nói : « Tôi vẫn được nghe tiếng tiên-sinh mà chưa được tiếp kiến lần nào. Nay tiên sinh hạ cố đến đây, chẳng hay ý muốn dạy bảo cho điều gì chẳng ? »

Trương lão gia nói : « Tôi nghe tướng quân có trí lớn, lại gặp phải lúc nguy hiểm này, vậy nên tôi muốn đến giúp tướng-quân ».

Hoàng-Tiến mừng lắm, sai bày tiệc để tiếp đãi. Trong khi uống rượu hỏi rằng : « Tiên-sinh có kế gì hay, giúp cho tôi được nên việc thì xin dạy bảo cho biết ».

- Tướng quân liệu sức mình đối với Vạn-Long thế nào ?
- Tôi xem chừng sức tôi không địch nổi với quân Nam-triều được.
- Có như thế thực. Nếu Nặc-Thu ngăn mặt trước, Vạn-Long đánh mặt sau thì tướng quân làm thế nào ?
- Ấy tôi đương chưa biết nghĩ làm sao đây.
- Tướng quân chẳng qua có được một vài nghìn quân, nương đậu đất người, đánh ra thì sức địch không nổi, muốn thủ hiểm thì không có thể bền lâu, ấy là một cái nguy cơ ở trước mắt đó. Tôi thiết tướng quân mới được yên ổn thì chi bằng lại tùng phục với Nam triều. Nay Nam triều sai tướng quân làm tiên phong, đi đánh Cao-mên tướng quân nên nhân dịp này, đến hội kiến quan Thống-tướng, trước là xin lỗi sau xin phụng mệnh đi đánh giặc để lập công chuộc tội. Nếu bình định xong Cao-mên, Nam chúa chắc cũng không quên công của tướng quân, hẳn lại được trấn thủ một nơi, hưởng cuộc phú quý, có phải là lưỡng toàn cả không ?

Hoàng-Tiến nghe dụ tai bèn xin vâng nhờ Trương lão gia xin đến nói trước với Vạn-Long để định ngày đến hội, mới từ biệt mà trở ra về.

Văn-Thông trở về thuật chuyện với Vạn-Long, Vạn Long bèn chia binh ra mai phục, rồi lại sai Văn-Thông đến hẹn ngày với Hoàng-Tiến.

Đến ngày, Hoàng-Tiến đem 5 chiếc thuyền và vài trăm quân thủ hạ đến dinh Lạch-ngâm để hội với Vạn-Long. Vừa bước vào đến cửa dinh thì quân phục bốn mặt đều đổ ra đánh. Hoàng-Tiến thất kinh biết là mắc mẹo, liền bỏ cả chiến thuyền, dẫn thủ hạ đánh tháo lấy đường mà chạy thoát về phía tây nam. Vạn-Long thừa thắng kéo quân vào luỹ Bến-tre, chiêu an dư đảng Long-môn, quân sỹ Long-môn thấy chủ tướng đã chạy trốn rồi, đều phải ra đầu hàng cả. Vạn-Long bèn cho Trần-thượng-Xuyên làm quản lĩnh để thống quản quân Long-môn, rồi sai làm tiên phong đi đánh Nặc-Thu.

Nặc-Thu nghe tin Nam quân kéo đến liệu thế cự địch không nổi, bèn tuyển lấy một người con gái Cao-mên tên là Chiêm-giao-Tân rất có nhan sắc và lại có tài ứng đối sai đem vàng lụa lại dâng mà nói rằng : « Nước tôi vốn vẫn thần phục thiên triều, mấy năm nay dâng đồ cống hiến đều bị Hoàng-Tiến chặn đường cướp mất. Hoàng-Tiến lại xâm nhiễu bờ cõi, cho nên nước tôi phải phòng bị chứ có dám mang lòng phản nghịch đâu ».

Vạn-Long tin nhời ấy, thân nhận lễ vật, hạn cho Cao-mên phải đem vàng bạc đến chuộc tội, một mặt sai người về báo với Vương triều, một mặt sai tướng chia quân đóng các nơi khai khẩn đất cát làm ruộng chớ không tiến đánh nữa.

Nặc-Thu thấy Vạn-Long không đánh, cũng cứ dùng dằng không chịu dâng đồ chuộc tội. Vạn-Long đóng quân lâu ngày không được việc gì Nguyễn-thắng-Sơn bèn dâng tờ khải về triều, nói rõ sự tình ấy. Nghĩa vương nổi giận, cách hết quyền chức của Vạn-Long mà sai Nguyễn-hữu-Hào vào thay chức cho Vạn-Long.

Nguyễn-hữu-Hào phụng mệnh tiến binh vào đóng tại Gò-bích. Tháng năm, Nghĩa vương sai trung sứ vào truyền cho Nguyễn-hữu-Hào rằng : « Nặc-Thu nếu muốn chuộc tội thì phải đem hiến 50 con voi đực, 500 lạng vàng, 20000 lạng bạc thì mới được rút quân về, nếu không được thế thì phải thúc quân tiến đánh ».

Hữu-Hào sai người đến bảo Nặc-Thu, Nặc-Thu lại sai Chiêm dao tân đem vàng bạc đến dâng Hữu-Hào mà xin hoãn hạn cho để thu xếp. Hữu-Hào

ăn lễ cho hoãn hạn. Nghĩa vương được tin ấy, lại cách hết quyền chức của Hữu-Hào. Không bao lâu thì Nghĩa vương mất nên việc kinh lý Cao-mên lại đình hoãn lại.

Năm Mậu-dần niên hiệu Chính hoà nhà Lê thứ 19 (1698) chúa Nguyễn là Minh vương nhân năm ngoái (1697) đã thu cả được đất Chiêm-thành vào bản đồ rồi, bấy giờ bèn sai Nguyễn-hữu-Kính làm Thống soái đem binh vào kinh lược đất Cao-mên, lấy đất Đồng-nai Sài-gòn đặt làm phủ Gia-định, ở Đồng-nai đặt ra huyện Phúc-long (nay là Biên-hoà) lập doanh Trấn biên, ở Sài-gòn đặt ra huyện Tân-bình, (nay là Gia-định), lập doanh Phiên-trấn, đặt đồn canh giữ, mở mang nghìn dặm, được hơn 4 vạn nóc nhà, lại chiêu mộ những dân nghèo ở mạn ngoài vào đó, đặt thành xã thôn, khẩn ruộng phá đất, lập ra sổ đinh điền, lại họp bao nhiêu người Tàu ở ngụ tại Trấn biên đặt làm một xã Thanh-hoà, ngụ tại Phiên trấn đặt làm một xã Minh-hương, từ đó các thương khách cũng thành dân đình cả.

Tháng 8 năm Kỷ-mão (1699) Nặc-Thu lại làm phản, Minh vương sai Nguyễn-hữu-Kính làm Thống-soái, Phạm-cầm-Long làm Tham-mưu, Nguyễn-hữu-Khánh làm tiên phong, hội hợp với tướng sĩ Long-môn đi đánh Cao-mên. Nguyễn-hữu-Kính đem quân đến thẳng thành Nam vang (Nompengh) phá tan quân Cao-mên, Nặc-Thu phải đến tại cửa quân xin hàng Hữu-Kính rút quân về đóng ở gò Lao đôi, gặp khi mưa to gió lớn, gò sạt đổ một mảng đất, tiếng ầm ầm như tiếng sấm. Đêm hôm ấy, Hữu-Kính chiêm bao thấy một người mặt đỏ my trắng, tay cầm cái phủ việt nói rằng : « tướng quân nên về trước cho mau kéo ở mãi đây thì có điều bất lợi ». Khi tỉnh dậy, nghe thấy trong mình khó ở nhưng vẫn cười nói như thường để yên bụng quân sỹ. Sau mệt nặng quá phải rút quân về ; về đến Sầm Khê thì mất, bấy giờ ông 51 tuổi. Ông Nguyễn-hữu-Kính là con thứ hai ông Chiêu-vô-hầu Nguyễn-hữu-Dật thừa nhỏ theo cha đi đánh giặc, trải quen việc hàng trận, trí lược lại hơn người, nước ta mở đất Nam-kỳ, phần nhiều là nhờ ở công lao ông ấy.

Tháng 7 năm Ất-dậu (1905) nước Cao-mên có nội loạn. Nguyên vua Cao-mên là Nặc Thu, tuổi già, hai con là Nặc Thâm Nặc-Yêm vì tranh ngôi

mà đánh lẫn nhau. Nặc-Thâm lại cầu quân Tiêm la đến giúp. Nặc-Yêm phải trốn chạy sang cầu cứu với nước ta. Nam triều sai cai cơ Nguyễn-cửu-Vân thống lĩnh quân thủy bộ ở Gia-định vào đánh Nặc Thâm mà đưa Nặc-Yêm về nước. Cửu-Vân tiến quân đến Lạch ngâm, gặp quan Tiêm la. Hai bên đánh nhau dữ dội, rồi quân ta phá được quân Tiêm. Nặc-Thâm phải thu binh chạy trốn sang Tiêm. Cửu-Vân bèn đưa Nặc-Yêm về thành La-Bích. Nặc-Thu tình nguyện truyền nước cho Nặc Yêm, bèn tập phong Nặc-Yêm làm vua Cao-mên.

Năm Mậu tý niên hiệu Vĩnh thịnh nhà Lê thứ 4 (1908), có người Tàu tên là Mạc Cửu, nguyên người Lô châu tỉnh Quảng đông. Từ khi nhà Minh mất, nhà Thanh lên, bắt người nước Tàu phải gióc tóc để bím theo tục Mãn. Mạc Cửu nghĩ nước mất đàn tan, bị ngoại tộc chúng vào áp bức như thế là nhục, bèn không chịu gióc tóc mà trốn sang Cao-mên, ngụ ở đất Sài nạt. Mạc-Cửu sang ở đó thấy có nhiều người các nước tụ hội buôn bán và hay đánh bạc, bèn mở ra sòng đánh bạc mà lấy tiền hồ, sau lại đào được một hố bạc, làm nên cự phú. Mạc-Cửu bèn mộ người khẩn đất các sứ Phú-Quốc, Cần-bột, Giá-khê, Lũng-kỳ, Hương-áo, Cà-mâu, lập nên 7 xã thôn. Đất ấy nhân có chuyện người tiên hiện ra ở trong sông, bèn đặt tên là đất Hà tiên. Năm Giáp-ngọ (1714) Mạc-Cửu thấy thế ta mạnh, bèn dâng cả đất cát đã khai khẩn được, mà xin phong cho làm chức trấn thủ đất ấy. Minh vương phong cho Mạc-Cửu làm Hà-tiên Tổng-trấn Mạc-Cửu lĩnh chức lập ra dinh thự có thành có lũy gọi là Phương thành. Dân các nơi kéo đến ở đó mỗi ngày mỗi đông, chẳng bao lâu mà thành ra một nơi đô ấp thịnh vượng.

Sang đến đời Nguyễn Ninh-vương, vương thấy đất Gia-định rộng rãi lắm, bèn chia trong địa giới đặt ra châu Định viễn, dựng doanh Long hồ, về sau là tỉnh Vĩnh-long tỉnh Định-tương.

Lại nói về khi vua Cao-mên là Nặc-yêm mất con là Nặc-Tha kế lập. Nặc-Thâm ở bên Tiêm về Nặc-Tha không cho về. Nặc-Thâm đem binh đánh Nặc-Tha phải chạy ra Gia-định. Nặc-Thâm bèn giữ lấy nước. Đến khi Nặc-Thâm chết, 3 con là Đôn, Hàn, Yêm tranh nhau ngôi. Quân ta sang giúp yên được, bèn đưa Nặc-Tha về nước. Con thứ ba của Nặc-Thâm là Nặc-Nguyên

cầu viện bên Tiêm về, để đánh Nặc-Tha. Nặc-Tha phải chạy, chẳng bao lâu rồi mất, Nặc-Nguyên bèn làm vua Cao-mên. Đời Nguyễn Võ-vương năm Canh ngọ (1750) Nặc-Nguyên cất binh xông vào Côn-man (thuộc đất Bình-thuận bây giờ). Năm Quý-dậu (1753) Võ vương sai Thống soái là Thiện Chính và tham mưu là Nguyễn-cư-Trinh đem binh năm doanh đi đánh. Bốn phủ Lô-lạp, Tầm-bôn, Cầu-nam, Nam-vinh đều xin hàng. Nặc Nguyên phải trốn Ông Cư Trinh chiêu phủ dân Côn man, hộ tống hơn 5000 người về đóng ở núi Ba đình. Đến sau Trương phúc Du vào thay Thiện Chính làm Thống soái, lại đến đánh thành Nam vinh, Nặc Nguyên phải chạy ra Hà-tiên nương nhờ Mạc-thiên-Tứ xin dâng hai phủ Tầm bôn, Lô-lạp để chuộc tội. Ông Nguyễn-cư-Trinh tâu việc ấy về triều xin hộ. Võ vương bèn sai rút quân về. Đó là việc năm Đinh sửu (1757) vậy.

Sang năm sau Mậu dần (1758). Nặc-Nguyên mất, người chú họ là Nặc Nhuận quyền coi việc nước, lại dâng 2 phủ Trà vinh. Ba thắc, Nặc Nhuận chẳng bao lâu bị người con rể là Nặc Hinh giết chết. Con Nặc Nhuận là Nặc tôn phải chạy ra Hà tiên. Mạc thiên Tứ tâu về triều xin cho Nặc Tôn được tập phong. Vương bèn sai tướng sĩ 5 doanh hộ tống Nặc Tôn về nước. Nặc Tôn bèn dâng đất Tầm bôn long và cắt 5 phủ Hương áo, Cần bột, Chân sâm, Sái mặt, Linh quynh để tạ ơn Mạc thiên Tứ, nhưng Thiên tứ cũng lại dâng cả về triều. Ông Trương phúc Du và ông Nguyễn cư Trinh xin dời doanh Long hồ (nguyên ở xứ Cái bầu châu Định viễn) đến xứ Tầm bào (nay là tỉnh lý Vĩnh long) Ở sa đù thì đặt làm đạo Đông khẩu ở Tiền giang thì đặt làm đạo Tân châu, ở Hậu giang thì đặt làm đạo Châu đốc (Năm Minh mệnh thứ 13 (1832) lấy đất Tân châu Châu đốc và tách 2 huyện ở phủ Định viễn (nguyên thuộc Vĩnh long mà đặt ra làm tỉnh An giang, Gia định, Biên hoà, Định tường, Vĩnh long, An giang, Hà tiên đó là Nam kỳ lục tỉnh) lấy 5 phủ Hương áo thuộc về Hà tiên, đặt làm đạo Long xuyên và đạo Kiên giang.

Đó là nước ta đã lấy được toàn cảnh Nam-kỳ ngày nay mà bước đường nam tiến đã là đến giáp tận bờ bể Nam vậy.

Tục Chân Lạp sùng tín đạo Phật, vốn từ nước Phù nam khi xưa truyền lại, trong nước chùa quán rất nhiều. Chỗ vua ở, chôn gỗ làm trại, đắp đất

làm thành nhà lợp bằng lá. Những đồ dùng phần nhiều là đồ vàng bạc, nên ngân ngữ ta có câu « phú quý Chân lạp ». Quan trật số 10 là trên mà số 1 là dưới. Các quan vào ra mắt vua phải quỳ gối mà đi vào. Nhà cửa của dân thì rất chật hẹp. Cách ăn mặc chỉ dùng mảnh vải hoa sặc sỡ quàng ngang lưng chứ không có quần áo.

Tính từ sau khi nước ta độc lập, bắt đầu từ năm Ứng thiên thứ 8 (1000) đời vua Đại hành nhà Tiền Lê quân ta khởi vào đánh Chiêm thành, cho đến năm Cảnh hưng thứ 19 (1758) đời vua Hiền tôn nhà Hậu Lê mà tức là năm thứ 20 đời Võ-vương Nam triều, ta lấy được hết đất Thủy Chân lạp, trong khoảng hơn bảy trăm năm đó dân tộc ta đã tiến về mặt Nam mà chinh phục được Chiêm thành Chân lạp mở mang bờ cõi được hai phần ba đất Trung kỳ và toàn cảnh Nam kỳ, tức là vào nửa phần đất nước ta ngày nay, qua ngàn vượt bể, gội gió tắm mưa, cái công phu khai thác gian nan của các đứng tiên dân ta xưa thật có đại tạo cho chúng ta ngày nay vậy. Tiếc vì thời thế biến thiên, vận hội đổi khác, cho nên bước đường nam tiến của ta thế lực bành trướng của ta, chỉ có đến đấy làm hạn ; chứ nếu không thì biết đâu rằng đến bây giờ bước đường nam tiến của ta lại chẳng xoay ra tây tiến mà làm cho nước Xiêm la sẽ không ăn ngon ngủ yên được với ta rồi. Nhưng mà thôi ba kỳ đất nước, nghìn dặm non sông, cứ cái thổ địa ấy, cứ cái giang sơn này, anh em chị em hơn hai mươi triệu đồng bào, nếu ta biết nghĩ đến cái công phu người trước, lo đến cái vận mệnh tương lai, mà biết cùng nhau tự tu tự tỉnh, bảo nhau tự phấn tự cường, thì cũng không phải là không đủ cho ta có thể lập nên một nước trang nghiêm sán cạn. Chỉ e rằng bà con ta sống say chết mộng, không biết mở mắt mà trông sau trông trước để lo lấy sự sinh tồn ở giữa cái buổi đời cạnh tranh ưu thắng liệt bại, thì dù tổ tiên ta ngày xưa có chịu khó đổ máu rụng đầu để khai thác được bờ cõi đất đai rộng rãi hơn nữa, nhưng nào có làm gì ! nào có làm gì !

Núi kia ai đắp nên cao ?

Sông kia bể nọ ai đào nên sâu ?

Mong rằng đồng bào ta đọc cuốn « Lịch sử Nam tiến » này sẽ biết cảm nhớ đến công nghiệp của ông cha mà biết tự giác ngộ ra thì cái công phu

nhỏ mọn của kẻ viết cuốn sử này, âu cũng không đến nỗi là vô bổ vậy.

= HẾT =

ĐÃ CÓ BÁN :

- 1. QUỐC VĂN PHỔ THÔNG ĐỘC BẢN.** Lớp Đồng-ấu của **ô. Bùi-huy-Huê.** 7\$00
- 2. QUỐC VĂN PHỔ THÔNG ĐỘC BẢN.** Lớp Dự-bị của **ô. Bùi-huy-Huê.** 7\$00
- 3. QUỐC VĂN PHỔ THÔNG ĐỘC BẢN.** Lớp sơ-đăng của **ô. Bùi-huy-Huê.** 8\$00
- 4. 500 BÀI TÍNH SỐ** của **ô. Bùi-huy-Huê** (Soạn lại theo hóa-giá hiện thời) 10\$00
- 5. 100 BÀI LUẬN QUỐC VĂN** (lớp Ba, Nhì, Nhất.) Soạn theo chương-trình của Bộ Quốc-gia Giáo-dục của **ô. Bùi-huy-Huê** 6\$00
- 6. QUỐC VĂN KHAI TÂM** (5 ngày biết đọc, biết viết) của **ô. Trần-huy-Bá.** 5\$00
- 7. NAM HẢI VỸ NHÂN** (Duyệt y). Sách giáo-khoa bậc Trung, Tiểu-học của cụ **Tiến-sĩ Nguyễn-sĩ-Giác.** 6\$00
- 8. TẬP ĐỌC VÀ HỌC THUỘC LÒNG** (Duyệt y) (Lớp Năm) của **ô. Vũ-trọng-Yên.** 5\$00
- 9. TẬP ĐỌC VÀ HỌC THUỘC LÒNG** (Duyệt y) (Lớp Ba và Tư) của cụ **Nguyễn-cần-Mộng** và **ô. Vũ-Trọng-Yên.** 8\$00
- 10. CÔNG DÂN GIÁO DỤC PHỔ THÔNG** của **ô. Nhất-hoành-Sơn** (Đã được hội đồng duyệt sách duyệt y làm sách giáo-khoa dùng trong các trường tiểu học). 12\$00

ĐÃ XUẤT BẢN :

- THUYẾT ĐƯỜNG (Trọn bộ 2 quyển)
- LÁ THÔNG TẢO BẮC
- HÁN SỞ TRANH HÙNG tức TÂY HÁN CHÍ (Quyển thượng và hạ)
- TÂY DU (Quyển nhất và nhì)
- CHIÊU QUÂN CỐNG HỒ
- THỦY HỬ (Trọn bộ 3 quyển)
- CHUNG VÔ DIỆM (Trọn bộ 3 quyển)
- QUÁN GIÓ. Tiểu thuyết của Ngọc-Giao
- XÁC CHẾT TRONG BỒ (Trình thám)
- TRĂM NĂM SAU CÓ GÌ LẠ
- PHONG KIỂM XUÂN THU (Trọn bộ 2 quyển)
- CHINH ĐÔNG (Trọn bộ 2 quyển)
- NGƯỜI TÌNH NGUY HIỂM (Trình thám tiểu thuyết)
- LỊCH SỬ NAM TIẾN CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM của Trúc-Khê
- BA-GIAI TÚ-XUẤT (đã ra tập thứ 4)

Nhà in Văn-hồng-Thịnh
Trung, Nam, Mên : 6\$

tve-4U

CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

Notes

[\[← 1\]](#)

Sử ta nói Tượng-quận nhà Tần là đất Bắc-kỳ Trung-kỳ bây giờ song so sánh địa-lý và chứng với các sách thì Tượng-quận chính thuộc về một phần đất của tỉnh Quảng-tây nước Tàu ngày nay.

[\[← 2\]](#)

Phạm Văn-Nguyên là một tên đầy tớ của Phạm Ân là quan Úy Luyện Tây truyền quận Nhật Nam thường vào chăn trâu trong khe núi. Tục truyền y bắt được con cá chép hoá thành sắc. Văn đem về đúc làm gương. Rồi ngoảnh vào mặt trời mà khẩn rằng : « Nếu số tôi đáng làm vua nước này thì xin cho tôi chặt vỡ được hòn đá ». Nói rồi chặt, đá bị vỡ, Văn có ý lấy làm lạ. Sau ra làm tướng. Đến khi Lâm Ấp vương là Phạm Dật mất Văn bèn cướp lấy ngôi và đánh lấn các nước láng giềng, trong tay có tới ba bốn vạn quân. Từ đó mở rộng đất đai mà thành ra nước lớn.

[\[← 3\]](#)

Trận này vua Lý-Thái-Tôn có bắt được vợ Chiêm-vương Xạ-đầu là nàng My-ê, đem về đến sông Châu-giang (Phủ-lý) thì nàng gieo mình xuống dòng sông tự tử.

[\[← 4\]](#)

Lộ cũng như tình bây giờ.

[\[← 5\]](#)

Sách Gia-định thông chí nói rằng : « Nước Chân Lạp chỉ có tên không có họ. Phàm con cháu nhà vua đều gọi là Nặc ong Chân tức là tên. Mà tên nào hay là đặt, dẫu ông cháu trùng tên cũng được ! »

[\[← 6\]](#)

Sau thuộc huyện Đăng xuyên tỉnh Định tường.

Table of Contents

[Notes](#)